

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2010**

Đơn vị tính: đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	123,599,884,203	105,834,224,680	326,189,573,633	296,895,455,003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		926,307,092	205,078,200	1,016,707,712	383,868,624
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ (10 = 01 - 02)	10		122,673,577,111	105,629,146,480	325,172,865,921	296,511,586,379
4. Giá vốn hàng hóa	11	VI.27	119,440,177,381	78,030,013,483	312,635,643,887	244,288,419,755
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,233,399,730	27,599,132,997	12,537,222,034	52,223,166,624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,777,386,330	1,654,713,822	5,545,767,981	4,175,760,578
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,495,118,899	3,813,622,231	3,504,655,371	6,283,276,615
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		186,763,304	553,809,123	246,011,461	723,422,988
8. Chi phí bán hàng	24		2,659,456,783	1,203,501,970	8,145,078,987	5,337,684,336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,678,103,835	3,501,028,330	5,377,561,579	15,966,954,902
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(821,893,457)	20,735,694,288	1,055,694,078	28,811,011,349
11. Thu nhập khác	31		611,816,961	310,004,220	705,083,089	395,047,343
12. Chi phí khác	32		1	364,833,787	47,876,406	364,833,787
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		611,816,960	(54,829,567)	657,206,683	30,213,556
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(210,076,497)	20,680,864,721	1,712,900,761	28,841,224,905
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30			633,989,025	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(210,076,497)	20,680,864,721	1,078,911,736	28,841,224,905
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Loan

Ngày 14 tháng 10 năm 2010



Nguyễn Văn Hùng